

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2023/DS-GĐT

Ngày 04-01-2023

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **PH3m Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Cường** và ông **Lê Phước Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đoàn Ngọc Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04-01-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1954; địa chỉ cư trú: Nhà số 72 T, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20-5-2022):

Ông **Võ Trung T**; địa chỉ cư trú: Phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Nhà số 72/2 T, khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20-5-2022):

Ông **Lê Quốc L**; địa chỉ cư trú: Khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1947; địa chỉ cư trú: Thôn M, xã P, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.2. Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Nhà số 73, ấp C, xã P!, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: Nhà số 80 Võ Duy D, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.4. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ cư trú: Nhà số 84 Võ Duy D, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.5. Ủy ban nhân dân phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 19-4-2021):

Ông Đoàn Văn T1 - Cán bộ Tư pháp Hộ tịch phường B.

3.6. Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 02-11-2020):

Ông Huỳnh H2 - Chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã A.

3.7. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A.

Người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14-12-2021):

Ông Lê Quang T2 - Chức vụ: Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án.

3.8. Ngân hàng Đ; địa chỉ trụ sở: Số 340 Q, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện (Văn bản ủy quyền ngày 19-5-2022):

Bà Trần Thị N - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị D trình bày:

Cha mẹ bà là cụ Nguyễn H3 (chết năm 1995) và cụ Lê Thị Đ1 (chết năm 2011) sinh được 04 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Đ2 (chết lúc nhỏ, chưa có vợ con), bà Nguyễn Thị L1, bà (D), bà Nguyễn Thị Q và 01 người con nuôi tên Nguyễn Văn H. Cha, mẹ được ông bà nội cho thừa đất diện tích khoảng 700 m², sau đó tự bỏ tiền ra xây dựng nhà và được Nhà nước giao sử dụng 02 thửa ruộng, gồm: (1) Thửa ruộng tục danh Đám Hầm, diện tích 2,4 sào và (2) thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo, diện tích 1,6 sào. Các thửa đất đều tại khu vực K, phường B, thị trấn A. Năm 1996, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện A (nay là thị xã A) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên người sử dụng là cụ Nguyễn H3. Năm 2015, UBND thị xã A giải phóng mặt bằng quy hoạch khu dân cư K, tài sản của cha, mẹ bị thu hồi và được hỗ trợ, bồi thường.

Số tài sản của cha, mẹ còn lại đang tranh chấp, gồm: Diện tích đất còn lại không bị thu hồi của thửa đất số 376 là 79 m²; 02 lô đất số 18 và 19, khu A12 diện tích mỗi lô là 102 m² (Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất). Tháng 4-2020, bà đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính cho Nhà nước tổng cộng là 332.376.000 đồng và 02 lô đất nêu trên đã được UBND thị xã A cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên đất, số vào sổ GCN: GH05796 (lô số 18) và số GH05797 (lô số 19) cùng ngày 08-5-2020 và số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Ngân hàng Đ là 269.520.000 đồng, Sổ tiết kiệm tiền gửi do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A cất giữ. Đối với số tiền 168.602.880 đồng do được hỗ trợ, bồi thường thửa ruộng có

tục danh Đám Hầm, các chị em bà đã thỏa thuận phân chia, nên bà không yêu cầu giải quyết.

Cụ Nguyễn H3 chết năm 1995, không để lại di chúc; ngày 27-01-2010, mẹ bà là cụ Lê Thị Đ1 lập di chúc để lại phần tài sản của cụ trong khối tài sản chung của cụ và cụ H3 cho bà thừa kế, do đó bà yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của bà theo di chúc của cụ Lê Thị Đ1. Đối với di sản của cụ H3, bà yêu cầu chia theo pháp luật, bà xin nhận bằng hiện vật; đồng thời, yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn H chia phần hoàn trả cho bà số tiền 332.376.000 đồng, mà bà đã nộp để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất nêu trên.

Đối với quyền sử dụng đất ruộng của bà Nguyễn Thị V: Bà V là vợ trước của ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn H1 là con của bà V và ông H. Năm 1993, bà V và anh H sinh sống tại nhà cụ Nguyễn H3, nên được giao sử dụng bổ sung thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo. Năm 1994, bà V, ông H chấm dứt quan hệ vợ chồng, bà V dẫn anh H1 về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cụ Nguyễn H3 và cha của bà V là cụ Nguyễn L2 đã thống nhất cho bà V sử dụng thửa ruộng Ô Cải Tạo để nuôi anh H1. Các thành viên trong gia đình bà không ai có ý kiến gì. Bà thống nhất chia thửa ruộng cho bà V và anh H1 được tiếp tục sử dụng theo như sự phân chia của cụ Nguyễn H3 khi còn sống.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà thống nhất như lời trình bày của bà Nguyễn Thị D về mối quan hệ gia đình và di sản thừa kế còn lại đang tranh chấp. Cụ Nguyễn H3 (chết năm 1999) và cụ Lê Thị Đ1 (chết ngày 04-12-2010 âm lịch), không để lại di chúc. Do đó, Di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010 do bà D cung cấp là không hợp pháp, vì thời điểm lập di chúc, cụ Đ1 bị tai biến nặng, nằm một chỗ, không nhận thức được, nên không thể đến UBND thị trấn lập di chúc; hơn nữa, bà trực tiếp chăm sóc cho cụ Đ1, nhưng không nghe cụ Đ1 nói gì về việc đã lập di chúc. Bà yêu cầu hủy bản di chúc, di sản của cha mẹ để lại, bà yêu cầu chia theo pháp luật, phần của bà xin nhận bằng hiện vật.

Đối với số tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất (số 18, 19) mà bà D đã nộp, bà yêu cầu giao số tiền gửi tiết kiệm mở tại Ngân hàng Đ trả cho bà D để khấu trừ, nếu thiếu thì chia đều cho bà, bà L1 và ông H trả cho bà D. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1, bà thống nhất như trình bày của bà D là chia thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo cho bà V và anh H1 được tiếp tục sử dụng theo như sự phân chia của cụ Nguyễn H3 khi còn sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan:

- Bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà thống nhất như trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và việc chia ruộng cho bà V, anh H1. Về di sản thừa kế còn lại đang tranh chấp và yêu cầu chia thừa kế, bà thống nhất theo ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Q.

- Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông thống nhất như trình bày của nguyên đơn, bị đơn về mối quan hệ gia đình và di sản của cụ Nguyễn H3, cụ Lê Thị Đ1 còn lại đang tranh chấp và thống nhất

chia thửa ruộng có tục danh Ô Cải Tạo cho bà V, anh H1 được tiếp tục sử dụng. Về yêu cầu chia thửa kế, ông thống nhất như đề nghị của bị đơn. Ông yêu cầu nhận phần diện tích đất 79 m² đất ở không bị giải tỏa để làm nhà từ đường, thờ cúng cha mẹ. Nếu giá trị đất nhiều hơn kỹ phần ông được chia, thì ông sẽ trả lại giá trị chênh lệch cho các đồng thửa kế khác. Nếu giá trị thấp hơn kỹ phần ông được chia, thì ông không yêu cầu các đồng thửa kế khác thanh toán lại.

- Bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H được hai gia đình tổ chức lễ cưới, về sống chung với nhau từ năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 1993, bà và con trai (anh Nguyễn Văn H1) được giao quyền sử dụng thửa ruộng tục danh là Ô Cải Tạo, diện tích 1,6 sào tại tổ 5, khu vực K, thị trấn B (phường Bình Định), cấp chung trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Nguyễn H3 đứng tên. Năm 1994, bà và ông H chấm dứt cuộc sống chung, bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Cha của bà là cụ Nguyễn L2 và cụ Nguyễn H3 đã thỏa thuận chia thửa ruộng tục danh nói trên cho mẹ con bà sử dụng và gia đình cụ H3 không ai có ý kiến gì. Nay, bà xin được nhận thửa ruộng để mẹ con bà sử dụng.

- Anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Anh là con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị V. Anh thống nhất như lời trình bày của mẹ là bà Nguyễn Thị V.

- Đại diện Ủy ban nhân dân phường B trình bày:

Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 do ông Nguyễn Đình K1, nguyên là Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường B trực tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính pháp lý và tham mưu ông Bùi Bá K2 - Nguyên Chủ tịch UBND phường B chứng thực. Đề nghị Tòa án căn cứ lời khai của ông K1 và ông K2 để xem xét, giải quyết. Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 do UBND thị trấn B (nay là phường B) chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27-01-2010 hiện đang lưu trữ tại UBND phường theo quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08-12-2000 và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16-02-2015 của Chính phủ. Hình thức Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 bằng văn bản đánh máy, có hai người làm chứng, người lập di chúc điền chỉ vào Bản di chúc, những người làm chứng xác nhận và ký vào Bản di chúc là không trái quy định của pháp luật. Nội dung Bản di chúc là cụ Lê Thị Đ1 để lại phần tài sản của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng cho con gái là Nguyễn Thị D, nên không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

- Đại diện Ủy ban nhân dân thị xã A trình bày:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDD/I9 ngày 13-01-1996, thì UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp cho hộ cụ Nguyễn H3 gồm 03 thửa đất: (1) Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích 181 m², loại đất ở; (2) thửa đất số 92, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.163 m² loại đất lúa và (3) thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, diện tích 896 m² loại đất lúa. Tại thời điểm đo đạc bản đồ năm 1993, thửa đất 377, tờ bản đồ số 5, diện tích 138 m², loại đất T cụ Nguyễn H3 kê khai, đăng ký sử dụng, nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2014, Nhà nước giải phóng mặt bằng công trình, nâng cấp mở rộng đường Lê Hồng Phong, khu vực K, phường B, thì diện tích đo đạc thực tế của hộ cụ Nguyễn H3 đang sử dụng

là 383 m², bị thu hồi hỗ trợ bồi thường 304,4 m² (đất ở 200 m² và đất vườn 64,4 m²) tại 02 thửa đất (số 376 và số 377). Diện tích đất còn lại của hộ cụ Nguyễn H3 là 79 m² đất ở thuộc thửa đất số 376.

- Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A trình bày:

Tại Quyết định số 5392/QĐ-UBND ngày 27-12-2014 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng Khu quy hoạch dân cư tổ 5 K (đợt 2), hộ ông Nguyễn H3 bị ảnh hưởng giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 5 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 92), diện tích bị ảnh hưởng là 1.145,5 m² loại đất LUC, đất H3ng 2, tổng số tiền nhận là 168.602.880 đồng.

Tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05-8-2015 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để xây dựng khu quy hoạch dân cư tổ 5 K (đợt 4) và Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 03-02-2016 của UBND thị xã A về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư điều chỉnh, bổ sung phương án thực hiện đợt 04 tại Quyết định số 3528/QĐ-UBND ngày 05-8-2015, thửa đất số 376 được bồi thường 102 m² đất ở, diện tích đất còn lại 79 m² là đất ở; thửa đất số 377 được bồi thường 138 m² đất ở, diện tích còn lại được bồi thường là đất vườn. Số tiền bồi thường 02 đợt là 269.520.000 đồng, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q thống nhất gửi vào Ngân hàng Đ. Hiện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A đang cất giữ sổ tiết kiệm.

- Đại diện Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh P1 trình bày:

Ngày 06-6-2016, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q mở tài khoản tiền gửi có kỳ H3n tại Ngân hàng Đ, số sổ AAB1211186, số tài khoản 58110001569758, số tiền gửi 269.520.000 đồng, trả lãi theo phương thức lãi nhập gốc và quay vòng nếu khách hàng không có yêu cầu khác, số dư tài khoản tiền gửi tính đến ngày 01-01-2022 là 339.077.476 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02-3-2022, Tòa án nhân dân thị xã A quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 165, Điều 201, Điều 202, khoản 1 Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25 và Điều 35 của Pháp Lệnh thừa kế năm 1990; các Điều 646, 647, 648, 649, 653, 656, 658, 674, 675, 676, 683, 684, 685, 688, 733, 734 và 735 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

- Xác định Di chúc cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 24-01-2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27-01-2010 là hợp pháp và có hiệu lực kể từ ngày 08-01-2011.

- Xác định di sản của cụ Lê Thị Đ1, cụ Nguyễn H3 hiện còn có tranh chấp phân chia gồm: Phần đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, diện tích đo đạc thực tế 79 m²; lô đất số 18 (khu A12), thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102 m²; lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế 102 m² đều tọa lạc tại khu vực K, phường Bình Định, thị xã A; số tiền gửi tại Ngân hàng Đ, gốc và lãi tính đến ngày 01-3-2022 là 339.077.476 đồng do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu.

- Xác định nghĩa vụ tài chính bà Nguyễn Thị D đã thực hiện đối với 02 thửa đất số 969 và thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17 là 332.376.000 đồng.

- Xác định người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn H3 gồm: Cụ Lê Thị Đ1, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H.

Người thừa kế theo pháp luật của cụ Lê Thị Đ1 gồm: Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị D quyền sử dụng:

- Phần diện tích 79 m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5, thuộc khu vực K, phường B, thị xã A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/I9 ngày 13-01-1996 do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

- Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế là 102 m², loại đất ở thuộc khu vực K, phường B, thị xã A theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05796 ngày 08-5-2020, do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

3. Giao cho bà Nguyễn Thị D sở hữu số tiền gửi tại Ngân hàng Đ tại Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06-6-2016, do bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q đứng tên đồng sở hữu, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01-3-2022 là 339.077.476 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02-3-2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị D thực hiện việc rút tiền.

4. Bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn H sở hữu số tiền 98.138.053 đồng.

5. Chia cho bà Nguyễn Thị Q quyền sử dụng lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, diện tích đo đạc thực tế là 102 m², loại đất ở, thuộc khu vực K, phường B, thị xã A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác trên đất với số vào sổ GCN: GH05797 ngày 08-5-2020, do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

6. Bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị L1 sở hữu số tiền 576.712.685 đồng; giao cho ông Nguyễn Văn H sở hữu số tiền 478.574.631 đồng.

7. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H giao quyền sử dụng thửa

đất số 181b (tục danh Ô Cải Tạo), thuộc tờ bản đồ số 8, diện tích đo đạc thực tế 901,1 m² tại khu vực K, phường B, thị xã A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDD/I9 ngày 13-01-1996 do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 cho bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1 (vị trí, tứ cận thửa đất có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo).

8. Bác yêu cầu hủy Di chúc do cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010, được Ủy ban nhân dân thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27-01-2010 của bị đơn là bà Nguyễn Thị Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1 và ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng và thông báo quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07-3-2022, bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo, đề nghị hủy di chúc do cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị Đ1 cho các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT ngày 22-6-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 25, Điều 34 và Điều 35 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990; các Điều 652, 653, 674, 675, 676, 683, 684, 685, 688, 733, 734 và 735 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L1 và bà Nguyễn Thị Q; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã A.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về chia phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn H3 theo pháp luật.

2. Tuyên bố Di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010 là không hợp pháp. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về yêu cầu được nhận phần di sản của cụ Lê Thị Đ1 trong khối tài sản chung với cụ Nguyễn H3, theo Di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010.

3. Di sản của vợ chồng cụ Nguyễn H3 và cụ Lê Thị Đ1 được chia thừa kế theo pháp luật như sau:

3.1. Bà Nguyễn Thị D được trọn quyền sử dụng, sở hữu các tài sản gồm:

- Phần diện tích 79 m² đất ở còn lại của thửa đất số 376, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSDD/I9 ngày 13-01-1996 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Lô đất số 18 (khu A12) thuộc thửa đất số 969, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CU 811595, số vào sổ cấp GCN: GH05796 ngày 08-5-2020 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

- Số tiền gửi tại Ngân hàng Đ, Sổ tiết kiệm có số sê ri AAB1211186 ngày 06-6-2016 đứng tên bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Q, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01-3-2022 là 339.077.476 đồng và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02-3-2022.

3.2. Bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L1 1.153.425.369 đồng, ông Nguyễn Văn H 668.149.262 đồng (giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận), giao lại cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H mỗi người 1.675.369 đồng (tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn thừa lại).

3.3. Bà Nguyễn Thị Q được trọn quyền sử dụng Lô đất số 19 (khu A12) thuộc thửa đất số 970, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại khu vực K, phường Bình Định, thị xã A, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 811591, số vào sổ cấp GCN: GH05797 ngày 08-5-2020 do Ủy ban nhân dân thị xã A cấp cho bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm) và phải có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Văn H 485.574.631 đồng (giá trị chênh lệch kỷ phần thừa kế được nhận).

3.4. Bà Nguyễn Thị L1 được trọn quyền sở hữu 1.153.425.369 đồng giá trị kỷ phần chia thừa kế được nhận do bà Nguyễn Thị D giao lại.

3.5. Ông Nguyễn Văn H được trọn quyền sở hữu 1.153.425.369 đồng giá trị kỷ phần chia thừa kế được nhận (trong đó có 668.149.262 đồng do bà Nguyễn Thị D giao lại và 485.574.631 đồng do bà Nguyễn Thị Q giao lại).

3.6. Bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H mỗi người được sở hữu 1.675.369 đồng tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn lại, do bà Nguyễn Thị D giao lại.

3.7. Bà Nguyễn Thị V và anh Nguyễn Văn H1 được trọn quyền sử dụng thửa đất số 181b, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00944/QSĐĐ/I9 ngày 13-01-1996 do Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Bình Định cấp cho cụ Nguyễn H3 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, quyền và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 08-7-2022, bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 35/2022/KN-DS ngày 23-11-2022, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT ngày 22-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định,

giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hàng thừa kế và di sản thừa kế:

Cụ Nguyễn H3 (chết năm 1995) và cụ Lê Thị Đ1 (chết năm 2011) sinh được 04 người con gồm: Ông Nguyễn Văn Đ2 (chết lúc nhỏ, chưa có vợ con), bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và 01 người con nuôi tên Nguyễn Văn H. Do đó, hàng thừa kế của các cụ chỉ còn bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Q và ông Nguyễn Văn H.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn H3 và cụ Nguyễn Thị Đ1 sau khi Nhà nước thu hồi, thực hiện giải phóng mặt bằng hiện còn có tranh chấp, phân chia thừa kế gồm: Phần đất còn lại của thửa đất số 376, theo đo đạc thực tế là 79 m², có giá trị 1.343.000.000 đồng; 02 lô đất tái định cư (Lô đất số 18 và 19), khu A12, diện tích mỗi lô là 102 m², tại khu vực K, phường B, thị xã A, tỉnh giá trị mỗi lô là 1.632.000.000 đồng; số tiền đền bù giá trị nhà, giá trị đất bị giải tỏa, thu hồi hiện đang gửi tại Ngân hàng Đ, tiền gốc và lãi tính đến ngày 01-3-2022 là 339.077.476 đồng. Tổng giá trị di sản của cụ H3 và cụ Đ1 là 4.946.077.476 đồng.

[2]. Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của bà theo Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-10-2010; di sản còn lại của cụ Nguyễn H3, bà D yêu cầu chia theo pháp luật, bà xin nhận hiện vật; đối với số tiền 332.376.000 đồng mà bà chi phí làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng 02 lô đất (số 18 và 19), khu A12 diện tích mỗi lô là 102 m², tại khu vực K, phường B, thị xã A, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Q, bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H hoàn trả lại cho bà.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan là bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H yêu cầu hủy Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-10-2010 và yêu cầu chia di sản của cụ Nguyễn H3 và cụ Lê Thị Đ1 theo pháp luật.

[2.1]. Về Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010:

Di chúc ngày 27-01-2010 có 02 người làm chứng là ông Nguyễn Văn X và chị Ngô Thị Xuân H4, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A chứng thực số 03, Quyền số 01/2010 ngày 27-01-2010. Theo lời khai của ông Nguyễn Văn X, thì ông không nhớ rõ ngày tháng ký xác nhận làm chứng tại Bản di chúc ngày 27-10-2010, nhưng nhớ cụ thể, chi tiết chị Nguyễn Thị D sang nhà ông mượn Chứng minh nhân dân của ông và khi trở lại, chị D nhờ ông ký Bản di chúc. Trước khi ký, chị D có nói là cụ Lê Thị Được cho chị D được hưởng thừa kế phần tài sản của cụ Đ1 (bút lục số 250); chị Ngô Thị Xuân H4 trình bày, chị không nhớ rõ ngày tháng ký xác nhận

làm chứng tại Bản di chúc ngày 27-10-2010, nhưng nhớ cụ thể, chi tiết chị Nguyễn Thị D sang nhà chị mượn Chứng minh nhân dân của chị và khi chị đi ngang qua nhà cụ Lê Thị Đ1, chị D gọi chị vào rồi đưa cho chị xem Bản di chúc rồi nói chị ký. Lúc đầu, chị không ký, nhưng sau khi chị D cho biết nội dung Bản di chúc là cụ Đ1 để lại cho chị D được hưởng thừa kế phần tài sản của cụ Đ1, nên chị đã ký vào bản di chúc này (bút lục số 249).

Theo ông Nguyễn Đình K1 (nguyên Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường B) thì ngày 27-10-2010, chị Nguyễn Thị D cầm Giấy phân chia nhà đất do cụ Lê Thị Đ1 lập đến UBND thị trấn B đề nghị chứng thực. Qua kiểm tra thấy không phù hợp, ông đề nghị chị D đưa cụ Đ1 đến trụ sở UBND thị trấn để làm thủ tục lập di chúc theo quy định. Sau khi chị D trình bày, hiện tại cụ Đ1 không đi lại được, thì ông báo cáo lại sự việc cho Chủ tịch UBND thị trấn và Chủ tịch đã cử ông và bà Nguyễn Thị Ngọc T3 đến nhà hướng dẫn cụ Đ1 lập di chúc. Tại trụ sở UBND thị trấn, chị D cung cấp 02 Chứng minh nhân dân của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Văn X và chị Ngô Thị Xuân H4, nên ông soạn sẵn nội dung di chúc như ý chí và nguyện vọng của cụ Đ1 tại Giấy phân chia nhà đất. Sau đó, ông cùng bà T2 đến nhà cụ Đ1. Tại đây, ông thấy cụ Đ1 hoàn toàn tỉnh táo và minh mẫn, trả lời toàn bộ câu hỏi của ông, ý chí và nguyện vọng của cụ để lại tài sản cho ai rất rõ ràng, phù hợp với nội dung di chúc mà ông đã soạn sẵn. Tiếp đó, ông thông qua nội dung di chúc cho cụ Được nghe dưới sự chứng kiến của ông X và chị H4. Cụ Đ1 thống nhất toàn bộ nội dung di chúc rồi điểm chỉ vào Bản di chúc, sau đó hai người làm chứng là ông X và chị H4 ký lại mục người làm chứng rồi chị D ký vào Bản di chúc. Sau khi các bên điểm chỉ và ký vào Bản di chúc, ông đem về trình Chủ tịch UBND thị trấn B là ông Bùi Bá K2 chứng thực vào Bản di chúc. Ông khẳng định khi tiếp xúc, cụ Lê Thị Đ1 hoàn toàn tỉnh táo, minh mẫn, chỉ không đi lại được và nội dung Bản di chúc do ông lập đúng ý chí, nguyện vọng của cụ Đ1 (bút lục số 247).

Ông Bùi Bá K2 (nguyên Chủ tịch UBND thị trấn B) khẳng định ngày 27-01-2010, sau khi ông Nguyễn Đình K1 (cán bộ Tư pháp) báo cáo lại sự việc, ông đã cử ông Khánh và bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (cũng là cán bộ Tư pháp thị trấn) đến nhà xem xét, giúp đỡ cụ Lê Thị Đ1 lập di chúc. Sau đó, ông K1 báo cáo lại tình hình cụ Lê Thị Đ1 mặc dù không đi lại được, nhưng qua tiếp xúc tinh thần cụ Đ1 minh mẫn, đồng ý toàn bộ nội dung bản di chúc do ông K1 đánh máy và tự điểm chỉ vào Bản di chúc. Lý do ông ký chứng thực tại trụ sở, không có mặt cụ Đ1 là vì cụ Đ1 không thể đi lại được, nhưng về bản chất đã thể hiện rõ ý chí của cụ Đ1 để lại tài sản của mình cho bà D trong lúc tinh thần minh mẫn, cụ Đ1 đã nghe cán bộ tư pháp thông qua và thống nhất toàn bộ nội dung rồi mới điểm chỉ vào di chúc, sự việc trên có hai người làm chứng ký xác nhận. Vì vậy, sau khi kiểm tra các giấy tờ kèm theo và xem xét nội dung Bản di chúc, thấy việc tự định đoạt tài sản của cụ Đ1 là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, nên ông đã ký chứng thực bản di chúc (bút lục số 248).

Căn cứ vào các chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định Bản di chúc lập ngày 27-01-2010, do cụ Lê Thị Đ1 điểm chỉ và được lập bằng văn bản theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Dân sự quy định; người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hay cưỡng ép; hình thức của di chúc đúng quy định của pháp luật,

nội dung của di chúc không trái pháp luật và đạo đức xã hội, thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của người để lại di sản thừa kế. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 646, 647, 648, 649, 650 và 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Bản di chúc ngày 27-01-2010 do cụ Lê Thị Đ1 điểm chỉ có hiệu lực và được pháp luật bảo vệ.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A, tỉnh Bình Định chứng thực số 03, quyền số 01/2010 ngày 27-10-2010 là hợp pháp để làm cơ sở giải quyết vụ án là có căn cứ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được hưởng di sản thừa kế. Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng cả hình thức và nội dung của di chúc đều trái pháp luật, từ đó “Tuyên bố Di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010 không hợp pháp” là không đúng pháp luật, tước bỏ ý chí, nguyện vọng và quyền tự định đoạt của người để lại di sản thừa kế.

[2.2]. Về chia di sản thừa kế:

Bản di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010 thể hiện nội dung: Tại mục IV di sản để lại thừa kế “Một phần ngôi nhà và một phần đất tọa lạc tại khu vực K, thị trấn B, A, Bình Định. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00944/QSDĐ/I9 ngày 13-01-1996 của UBND huyện A cấp; thửa đất được quyền sử dụng: Thửa đất số 376, tờ bản đồ số 05; địa chỉ thửa đất, khu vực K, thị trấn B, A, Bình Định; nhà và đất để lại thừa kế: Diện tích đất kể cả nhà 181 m²”, theo đo đạc thực tế hiện nay còn lại là 79 m².

Mặc dù, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, xác định di chúc của cụ Lê Thị Đ1 lập ngày 27-01-2010, được UBND thị trấn B (nay là phường B), thị xã A chứng thực là hợp pháp, nhưng khi chia di sản thừa kế lại cộng dồn tài sản của cụ Nguyễn H3, cụ Lê Thị Đ1 lại và chia cho bà Nguyễn Thị D ½ là không đúng, mà cần phải chia lại theo hướng phần tài sản nào mà cụ Lê Thị Đ1 để lại cho bà D theo Bản di chúc lập ngày 27-01-2010 thì chia cho bà D, phần tài sản nào còn lại của cụ H3 và cụ Đ1 thì chia theo quy định của pháp luật.

Như vậy, kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT ngày 22-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 02-3-2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định là chưa giải quyết triệt để vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự phúc thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345, Điều 348 và Điều 349 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 35/2022/KN-DS ngày 23-11-2022 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 118/2022/DS-PT ngày 22-6-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định về vụ án “Tranh chấp về thừa kế tài sản”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D với bị đơn là bà Nguyễn Thị Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị V, anh Nguyễn Văn H1, Ủy ban nhân dân phường B, Ủy ban nhân dân thị xã A, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã A và Ngân hàng Đ.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
(02 bản, kèm hồ sơ vụ án);
- TAND thị xã A;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng GDKT II, HCTP, LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường